

Số: /2022/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch bảo trì
hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn
nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,
dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết
toán kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì
công trình đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh
phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;*

Căn cứ Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 ngày 6 tháng 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1279/TTr-SGTVT ngày 04 tháng 5 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch bảo trì hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2022 và thay thế Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh quy định về lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch bảo trì hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và các cá nhân khác có liên quan tới quản lý, khai thác và sử dụng công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- VPCP; Bộ GTVT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Báo Vĩnh Phúc, Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khước

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch bảo trì hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về công tác lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ tại Điều 5 Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh về Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Điều 3 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định về phân cấp quản lý đầu tư một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh cụ thể:

a) Sở Giao thông vận tải được giao quản lý các tuyến Quốc lộ do Trung ương bàn giao về tỉnh quản lý, đường gom dọc theo quốc lộ qua địa bàn tỉnh, đường tỉnh, đường vành đai trong quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc và quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc, đường chính đi qua địa bàn hành chính từ 02 huyện, thành phố trở lên, đường liên khu vực có mặt cắt từ 22m trở lên trong quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc, đường liên khu vực thuộc quy hoạch xây dựng vùng liên huyện có mặt cắt từ 22m trở lên trong đô thị và có mặt cắt từ 12m trở lên ngoài đô thị (bao gồm cả cầu, hầm, cống, rãnh, đèn tín hiệu giao thông, hệ thống an toàn giao thông khác... trên tuyến đường).

b) UBND cấp huyện được giao quản lý hệ thống đường huyện, đường đô thị trên địa bàn, trừ các tuyến đường do Sở Giao thông vận tải quản lý.

c) UBND cấp xã được giao quản lý hệ thống đường xã trên địa bàn.

d) Chủ sở hữu công trình đường chuyên dùng thực hiện quản lý hệ thống đường chuyên dùng do mình đầu tư xây dựng.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

Điều 3. Nội dung bảo trì công trình đường bộ

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí cho công tác bảo trì được hình thành từ một nguồn vốn hoặc kết hợp một số các nguồn vốn theo quy định tại Khoản 2, Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Chương II

LẬP, PHÊ DUYỆT, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng ngân sách nhà nước: Thực hiện theo khoản 1 Điều 17 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT, sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải.

2. Trách nhiệm tổ chức lập Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ:

a) Sở Giao thông vận tải lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do cấp tỉnh quản lý, trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) UBND cấp huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn trực thuộc lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường huyện, đường đô thị trên địa bàn do cấp huyện quản lý trình UBND cấp huyện phê duyệt.

c) UBND cấp xã chỉ đạo bộ phận chuyên môn trực thuộc lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường do cấp xã quản lý trình UBND cấp xã phê duyệt;

d) Đối với đường chuyên dùng: Chủ sở hữu công trình chuyên dùng tham khảo, vận dụng quy định tại khoản 1 Điều này chủ động xây dựng, phê duyệt kế hoạch bảo trì do mình quản lý.

3. Lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng ngân sách do cấp tỉnh quản lý:

a) Căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về các tuyến đường, công trình đường bộ, các tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và công trình, bộ phận gắn liền với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì, định mức, quy định tại khoản 1 Điều này, hàng năm Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 5 nhu cầu quản lý, bảo trì và công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư năm sau.

b) Trước ngày 30 tháng 6, Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận nhu cầu quản lý, bảo trì cho năm sau; chấp thuận công việc, danh mục dự án ưu tiên cho phép chuẩn bị đầu tư thuộc kế hoạch bảo trì năm sau. Nhu cầu quản lý, bảo trì được xác định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và lập theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quy định này;

c) Căn cứ vào công việc, danh mục tại điểm b khoản này, đối với công trình sửa chữa có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định Dự án/Báo cáo Kinh tế kỹ thuật công trình trong Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ. UBND tỉnh giao Sở Giao thông vận tải thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quyết định đầu tư Dự án/Báo cáo Kinh tế kỹ thuật các công trình sửa chữa trong Kế hoạch bảo trì đường bộ hàng năm đối với công trình đường bộ do cấp tỉnh quản lý xong trước ngày 31 tháng 10. Trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án/Báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình đường bộ, Sở Giao thông vận tải được điều chỉnh phạm vi (chiều dài, lý trình đoạn đường sửa chữa), giải pháp kỹ thuật... nhưng không được vượt kinh phí ghi cho danh mục đã được chấp thuận. Trong trường hợp cần bảo đảm an toàn chịu lực các bộ phận kết cấu công trình cầu, hầm, phà thì được duyệt vượt không quá 20% kinh phí của danh mục sửa chữa kết cấu chịu lực đã chấp thuận;

Trường hợp công trình sửa chữa có giá trị nhỏ hơn 500 triệu đồng thì Sở Giao thông vận tải tổ chức lập và quyết định phê duyệt kế hoạch sửa chữa bao gồm: tên bộ phận công trình hoặc thiết bị cần sửa chữa, thay thế; lý do sửa chữa hoặc thay thế, mục tiêu sửa chữa hoặc thay thế; khối lượng công việc; dự toán chi phí; thời gian thực hiện và thời gian hoàn thành;

d) Căn cứ nội dung duyệt tại điểm c khoản này và các công việc quản lý, bảo trì cần thiết bổ sung nhưng nằm ngoài danh mục quy định tại điểm b khoản này, Sở Giao thông vận tải tổng hợp, gửi Sở Tài chính và các cơ quan liên quan cho ý kiến về kế hoạch bảo trì công trình đường bộ năm sau trước ngày 15 tháng 11 hàng năm. Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng Văn bản trong vòng 10 ngày làm việc;

đ) Sở Giao thông vận tải tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị, hoàn thiện Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trình UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 15 tháng 12 hàng năm. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày được UBND tỉnh thông qua dự toán thu chi ngân sách tỉnh, UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì của năm sau;

e) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ:

Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung công việc quản lý, bảo trì và vận hành công trình đường bộ ngoài kế hoạch bảo trì đã phê duyệt, Sở Giao thông vận tải trình UBND tỉnh chấp thuận chuẩn bị đầu tư, Sở Giao thông vận tải lập, thẩm định và quyết định phê duyệt dự án/Báo cáo kinh tế kỹ thuật, tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh kế hoạch bảo trì đường bộ để tổ chức thực hiện.

4. Lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do cấp huyện, cấp xã quản lý:

a) Căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về các tuyến đường, công trình đường bộ, các tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và công trình, bộ phận gắn liền với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì, định mức, quy định tại khoản 1 Điều này, UBND cấp huyện, cấp xã chỉ đạo bộ phận chuyên môn tổ chức lập, thẩm định trình

UBND cấp huyện, cấp xã phê duyệt Kế hoạch bảo trì đường bộ năm sau trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

b) Điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ:

UBND cấp huyện, cấp xã căn cứ theo nhu cầu trong quá trình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ, chủ động tổ chức lập, điều chỉnh Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do cấp mình quản lý.

5. Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng nguồn vốn khác nguồn vốn quy định tại các khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

Điều 6. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Đối với hệ thống công trình đường bộ do cấp tỉnh quản lý:

- Căn cứ kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, kế hoạch phân bổ vốn, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì, quy trình bảo trì công trình được duyệt. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình sửa chữa và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình theo kế hoạch bảo trì được phê duyệt;

- Việc sửa chữa đột xuất công trình đường bộ được thực hiện như sau:

+ Sở Giao thông vận tải quyết định đầu tư và tổ chức thực hiện các công việc sửa chữa đột xuất có giá trị nhỏ hơn 3,0 tỷ đồng; Trường hợp công việc sửa chữa đột xuất có giá trị lớn hơn 3,0 tỷ đồng, Sở Giao thông vận tải báo cáo UBND tỉnh cho chủ trương trước khi quyết định và tổ chức thực hiện.

+ Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm theo thẩm quyền về việc quyết định, tổ chức thực hiện, sử dụng kinh phí, phương thức thực hiện và hoàn thiện hồ sơ theo quy định đối với trường hợp sửa chữa đột xuất.

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do cấp tỉnh quản lý, Sở Giao thông vận tải được chủ động điều chỉnh vốn kế hoạch cục bộ trong danh mục kế hoạch bảo trì trên nguyên tắc không làm phát sinh danh mục và không vượt tổng kế hoạch vốn được cấp của năm kế hoạch.

2. Đối với hệ thống công trình đường bộ do cấp huyện quản lý:

Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm do cấp mình quản lý trên cơ sở kế hoạch bảo trì công trình đường bộ được phê duyệt, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì, quy trình bảo trì công trình.

3. Đối với hệ thống công trình đường bộ do cấp xã quản lý:

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hàng năm do cấp mình quản lý trên cơ sở kế hoạch bảo trì công trình đường bộ được phê duyệt, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì, quy trình bảo trì công trình.

4. Đối với hệ thống đường chuyên dùng: Chủ sở hữu công trình chuyên dùng tự tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì do mình quản lý.

Điều 7. Quản lý, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng có trách nhiệm tổ chức quản lý, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý, chịu sự kiểm tra của cơ quan cấp trên.

2. Sở Giao thông vận tải kiểm tra, tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn toàn tỉnh gửi về UBND tỉnh. Báo cáo hàng năm gửi trước ngày 15 tháng 02 của năm tiếp theo.

3. Cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện có trách nhiệm tham mưu cho UBND cấp huyện báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ cấp huyện quản lý gửi về Sở Giao thông vận tải trước ngày 05 tháng 02 của năm tiếp theo (bao gồm cả kế hoạch bảo trì đường bộ của UBND cấp xã); UBND cấp xã có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ cấp xã quản lý gửi về UBND huyện trước ngày 25 tháng 01 của năm tiếp theo.

4. Nội dung báo cáo bao gồm: Tên công trình; khối lượng và kinh phí thực hiện; thời gian hoàn thành; các điều chỉnh phát sinh so với kế hoạch giao; đánh giá kết quả thực hiện (theo kế hoạch được giao), đề xuất và kiến nghị theo Phụ lục số 03 của Quy định này.

5. Chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do mình đầu tư và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

Điều 8. Thanh toán, quyết toán kinh phí

1. Đối với hệ thống công trình đường bộ do cấp tỉnh quản lý:

Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm về việc thanh toán kinh phí thực hiện bảo trì công trình đường bộ theo quy định.

Giao Sở Tài chính thẩm tra quyết toán công trình đường bộ gửi cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành theo quy định.

2. UBND cấp huyện, UBND cấp xã chịu trách nhiệm về việc thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện bảo trì công trình đường bộ theo quy định của pháp luật.

3. Chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng chịu trách nhiệm về việc thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện bảo trì công trình đường bộ chuyên dùng.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ, Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện quy định này.

Điều 10. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các công việc, dự án sửa chữa công trình đường bộ đã được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trước ngày quy định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo các quy định tại số 13/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2017 cho đến khi quyết toán công trình hoàn thành.

Điều 11. Điều chỉnh, bổ sung Quy định

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo kịp thời về UBND tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải) để được xem xét, hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Giao Sở Giao thông vận tải là đầu mối tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.

PHỤ LỤC SỐ 01
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ PHẢI QUAN TRẮC TRONG QUÁ TRÌNH
KHAI THÁC, SỬ DỤNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **26** /2022/QĐ-UBND ngày **05** tháng **9** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch bảo trì hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc)*

TT	Loại công trình		Cấp công trình ⁽¹⁾
1	Công trình khi xảy ra sự cố có thể dẫn tới thảm họa		
2	Công trình đường bộ ngoài đô thị	Cầu đường bộ	Cấp đặc biệt, cấp I
		Cầu đường bộ có kết cấu nhịp dây văng, dây võng	Cấp đặc biệt, cấp I và cấp II
		Hầm đường bộ	Cấp đặc biệt, cấp I
		Hầm đường bộ vượt biển, sông	Cấp đặc biệt, cấp I và cấp II
3	Công trình có dấu hiệu lún, nghiêng, nứt và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập đổ, mất an toàn trong quá trình khai thác sử dụng		
4	Theo yêu cầu của Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng		

Ghi chú: Cấp công trình xác định theo quy định của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng.

PHỤ LỤC SỐ 02**KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ NĂM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **26** /2022/QĐ-UBND ngày **05** tháng **9** năm 2022 của UBND tỉnh về lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện

Kế hoạch bảo trì hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc)

Đơn vị:

TT	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng/công việc chủ yếu	Kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TỔNG SỐ							
I	Bảo dưỡng thường xuyên							
II	Sửa chữa định kỳ							
a	Công trình chuyển tiếp							
b	Công trình mới							
III	Sửa chữa đột xuất							
IV	Công tác khác							
	CHI TIẾT							
I	Bảo dưỡng thường xuyên							
1	Tên tuyến							
	Bảo dưỡng thường xuyên đường							
	Bảo dưỡng thường xuyên cầu							
								
II	Sửa chữa định kỳ							
a	Công trình chuyển tiếp							
								
b	Công trình mới							
								
III	Sửa chữa đột xuất							
a	Công trình sửa chữa đột xuất							
								
b								
IV	Công tác khác							

PHỤ LỤC SỐ 03